

Số: **83** /2026/TT-BTC

Hà Nội, ngày 30 tháng 6 năm 2026

THÔNG TƯ

Quy định tiêu chuẩn hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, tiêu chuẩn nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; tổ chức thi, cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; quản lý hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP của Chính phủ quy định về phân quyền, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hải quan,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định tiêu chuẩn hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, tiêu chuẩn nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; tổ chức thi, cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; quản lý hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về tiêu chuẩn hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, tiêu chuẩn nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; tổ chức thi, cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; quản lý hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đại lý làm thủ tục hải quan.

2. Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.
3. Tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan.
4. Người dự thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan.
5. Công chức hải quan và cơ quan hải quan các cấp.
6. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thi, cấp, quản lý chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cập nhật kiến thức của người tham gia hoạt động kinh doanh dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan.

Điều 3. Tiêu chuẩn hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, tiêu chuẩn nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan

1. Tiêu chuẩn đối với đại lý làm thủ tục hải quan:

a) Là doanh nghiệp được thành lập và đang hoạt động theo quy định của pháp luật. Người đứng tên thành lập doanh nghiệp không thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 6 Điều 11 Thông tư này;

b) Có hạ tầng công nghệ thông tin thực hiện khai hải quan điện tử, gồm: phần mềm khai hải quan, chữ ký số, internet, hệ thống máy tính để phục vụ khai hải quan điện tử và các tiêu chuẩn khác theo quy định pháp luật có liên quan;

c) Có nhân viên đủ tiêu chuẩn là nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan;

d) Không thuộc danh sách đại lý làm thủ tục hải quan không được hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan do vi phạm các quy định trong quá trình hoạt động đại lý hải quan theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 8 Thông tư này.

2. Tiêu chuẩn đối với nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan:

a) Là công dân Việt Nam, đủ 18 tuổi trở lên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;

b) Có trình độ cao đẳng trở lên;

c) Có chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan được cấp theo quy định tại Thông tư này. Trường hợp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan quá thời hạn năm (05) năm kể từ ngày cấp thì phải hoàn thành khóa đào tạo bổ sung kiến thức pháp luật hải quan theo quy định tại khoản 7 Điều 11 Thông tư này. Khóa đào tạo bổ sung kiến thức được thực hiện trong thời gian 03 (ba) năm tính đến thời điểm doanh nghiệp gửi thông báo hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan đến Cục Hải quan;

d) Tham gia đầy đủ chương trình cập nhật kiến thức theo quy định tại khoản 7 Điều 11 Thông tư này;

đ) Được cơ quan hải quan cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định;

e) Không thuộc danh sách cá nhân không được cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan do vi phạm các quy định trong quá trình hoạt động nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan quy định tại điểm g khoản 6 Điều 11 Thông tư này.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động đại lý làm thủ tục về hải quan, nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan

1. Tại một thời điểm, người có chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan chỉ được hoạt động, cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan tại 01 (một) đại lý làm thủ tục hải quan. Trường hợp nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan khi chuyển sang làm việc cho đại lý làm thủ tục hải quan khác thì phải thực hiện hủy bỏ mã số đã được cấp trước đó và thực hiện cấp mã số tại đại lý làm thủ tục hải quan mới theo quy định tại Thông tư này.

2. Mỗi nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan phải được cấp tài khoản kết nối hệ thống xử lý dữ liệu hải quan điện tử riêng; không được sử dụng chung tài khoản với các nhân viên khác.

3. Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan không được cho người khác sử dụng mã số, tài khoản kết nối hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan của mình để thực hiện việc khai và làm thủ tục hải quan; không được sử dụng mã số, tài khoản kết nối hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan của người khác hoặc sử dụng mã số không phải do Cục trưởng Cục Hải quan cấp để làm thủ tục hải quan; không được khai và làm thủ tục hải quan khi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan hết thời hạn sử dụng.

4. Người đại diện theo pháp luật của đại lý làm thủ tục hải quan chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kinh doanh dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan.

5. Tổ chức, cá nhân hoạt động kinh doanh dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan không được hoạt động khi bị tạm dừng, thu hồi quyền hoạt động dịch vụ làm thủ tục về hải quan trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan.

Chương II

TỔ CHỨC THI, CẤP CHỨNG CHỈ NGHIỆP VỤ KHAI HẢI QUAN

Điều 5. Thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan

1. Căn cứ thông báo của Hội đồng thi, người đăng ký dự thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến Cục Hải quan theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này, bằng tốt nghiệp trình độ cao đẳng trở lên và một (01) ảnh màu 3x4cm chụp trong thời gian 03 (ba) tháng tính đến thời điểm dự thi để thực hiện việc cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai

hải quan; ghi rõ họ tên, năm sinh, số thẻ căn cước công dân hoặc số căn cước tại tên tệp ảnh. Người đăng ký dự thi phải là công dân Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

Trường hợp hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Cục Hải quan gặp sự cố, trong thời hạn 02 giờ làm việc kể từ khi hệ thống gặp sự cố, Chủ tịch Hội đồng thi có trách nhiệm thông báo thay đổi phương thức đăng ký dự thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan trên Cổng Thông tin điện tử Cục Hải quan hoặc các phương tiện truyền thông khác.

2. Chi phí dự thi

a) Người dự thi phải nộp chi phí dự thi theo thông báo của hội đồng thi. Chi phí dự thi được nộp thông qua thanh toán điện tử theo hướng dẫn của Hội đồng thi. Trường hợp người dự thi đã nộp chi phí dự thi nhưng bỏ thi thì không được hoàn trả lại khoản chi phí đã nộp;

b) Hội đồng thi xây dựng dự toán chi phí tổ chức kỳ thi đúng quy định theo nguyên tắc lấy thu bù chi. Dự toán chi phí tổ chức kỳ thi phải được Cục Hải quan phê duyệt;

c) Cục trưởng Cục Hải quan căn cứ tình hình thực tế về kinh phí tổ chức các kỳ thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan để ban hành quy chế quản lý và sử dụng kinh phí tổ chức kỳ thi.

3. Nội dung và hình thức thi

a) Các môn thi bao gồm: Pháp luật về hải quan; kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương và kỹ thuật nghiệp vụ hải quan;

b) Hình thức thi: Thi trắc nghiệm trên máy tính. Cục Hải quan quy định thời gian làm bài thi, nhưng không quá 120 phút/môn thi. Trường hợp vì lý do bất khả kháng dẫn đến không thể tổ chức thi trắc nghiệm trên máy tính thì giao Chủ tịch Hội đồng thi quyết định hình thức thi;

c) Cục Hải quan ban hành quy chế thi, thành lập hội đồng thi, tổ chức thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan.

4. Kết quả thi

a) Môn thi đạt yêu cầu là môn thi đạt điểm từ 50 điểm trở lên chấm theo thang điểm 100;

b) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ thi, Cục trưởng Cục Hải quan thông báo công khai kết quả thi trên Cổng thông tin điện tử của Cục Hải quan;

c) Trường hợp có 03 môn thi đạt yêu cầu, Cục trưởng Cục Hải quan cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan theo quy định tại Điều 6 Thông tư này.

Điều 6. Cấp, hủy bỏ giá trị chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan

1. Trường hợp được cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan:

a) Người có 03 môn thi đạt yêu cầu theo quy định tại điểm a, điểm c khoản 4 Điều 5 Thông tư này được cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan;

b) Công chức hải quan giữ ngạch kiểm tra viên hải quan có 09 (chín) năm công tác liên tục hoặc kiểm tra viên chính hải quan hoặc kiểm tra viên cao cấp hải quan sau khi chuyển công tác, nghỉ hưu hoặc nghỉ việc (không bao gồm trường hợp bị kỷ luật buộc thôi việc) được cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan trong thời hạn 03 (ba) năm kể từ ngày có quyết định chuyển công tác, nghỉ hưu hoặc nghỉ việc.

2. Cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan:

a) Đối với các trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo kết quả thi trên Cổng thông tin điện tử của Cục Hải quan, Cục trưởng Cục Hải quan cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan theo mẫu số 03 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Đối với các trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này:

b.1) Trong thời hạn 03 (ba) năm kể từ ngày nghỉ hưu hoặc nghỉ việc hoặc chuyển công tác, cá nhân có nhu cầu cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan gửi hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan về Cục Hải quan. Hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị theo mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này: 01 bản chính;

- 01 ảnh màu 3x4cm được chụp trong thời gian 03 (ba) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ có ghi rõ họ tên, năm sinh, số thẻ căn cước ở mặt sau của ảnh.

b.2) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, Cục Hải quan kiểm tra thông tin về hồ sơ cán bộ lưu giữ tại Cục Hải quan, đối chiếu với điều kiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều này để xem xét việc cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan theo mẫu số 03A ban hành kèm theo Thông tư này hoặc có văn bản trả lời và nêu rõ lý do đối với trường hợp không cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan.

c) Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan được sử dụng để cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại Thông tư này.

3. Người được cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan xuất trình căn cước hoặc căn cước công dân và ký nhận trực tiếp tại nơi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan. Trường hợp người được cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan đề nghị gửi theo địa chỉ đăng ký trên phiếu đăng ký dự thi (đối với trường hợp nêu tại điểm a khoản 1 Điều này) hoặc trên văn bản đề nghị (đối với trường hợp nêu tại điểm b khoản 1 Điều này) thì người được cấp chứng chỉ

ng nghiệp vụ khai hải quan chịu trách nhiệm thanh toán chi phí chuyển phát chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan.

4. Cục Hải quan hủy bỏ giá trị của chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan đối với các trường hợp sau:

a) Kê khai không trung thực các nội dung trong hồ sơ dự thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan, hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan;

b) Sửa chữa, giả mạo hoặc gian lận về bằng cấp, giấy chứng nhận điểm thi trong hồ sơ dự thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan, hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan;

c) Thi hộ người khác hoặc nhờ người khác thi hộ trong kỳ thi lấy chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan;

d) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan bị xử lý hành vi vi phạm các quy định của pháp luật đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

đ) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan bị xử lý đối với hành vi buôn lậu; vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới; sản xuất, buôn bán hàng cấm; trốn thuế hoặc hối lộ cán bộ, công chức hải quan trong quá trình làm thủ tục hải quan;

e) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan cho người khác sử dụng mã số của mình hoặc sử dụng mã số của người khác hoặc sử dụng mã số không phải do Cục trưởng Cục Hải quan cấp để làm thủ tục hải quan; hoặc cho người khác sử dụng hồ sơ của mình để thông báo đủ tiêu chuẩn hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan hoặc cấp mã nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan;

g) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan sử dụng mã số đã hết thời hạn hiệu lực để làm thủ tục hải quan.

Chương III

QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐẠI LÝ LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN, NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN

Điều 7. Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan

1. Đại lý làm thủ tục hải quan là doanh nghiệp đáp ứng đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này, trong phạm vi được ủy quyền theo thỏa thuận trong hợp đồng ký với người có hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu (sau đây gọi là chủ hàng), thay mặt chủ hàng thực hiện toàn bộ hoặc một phần nghĩa vụ của người khai hải quan quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật Hải quan.

2. Khi cung cấp dịch vụ làm thủ tục hải quan, đại lý làm thủ tục hải quan (người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền theo quy định của pháp luật) phải ký hợp đồng đại lý với chủ hàng. Người được cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan thực hiện việc khai và làm thủ tục hải quan trên cơ sở hợp đồng đã ký với chủ hàng. Đại lý làm thủ tục hải quan chỉ xuất trình hợp đồng cho cơ quan hải quan để xác định trách nhiệm của các bên khi có hành vi vi phạm pháp luật về hải quan.

3. Doanh nghiệp đáp ứng đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này có văn bản thông báo, đề nghị cấp quyền hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan và đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo mẫu số 04 kèm tài liệu minh chứng gửi Cục Hải quan qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến Cục Hải quan.

4. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của doanh nghiệp, Cục trưởng Cục Hải quan kiểm tra thông tin, trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng tiêu chuẩn thì Cục Hải quan phản hồi về việc không đáp ứng tiêu chuẩn cho doanh nghiệp qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến; trường hợp doanh nghiệp đáp ứng đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này thì Cục Hải quan thực hiện cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan và cấp quyền đại lý làm thủ tục hải quan trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, doanh nghiệp thực hiện và tự chịu trách nhiệm đối với hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan.

5. Trong quá trình hoạt động, trường hợp đại lý làm thủ tục hải quan có thay đổi các thông tin liên quan đến giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tiêu chuẩn hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan thì phải thông báo cho Cục Hải quan qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày thay đổi thông tin.

6. Trường hợp đại lý làm thủ tục hải quan có Chi nhánh tại các tỉnh, thành phố nếu Chi nhánh đáp ứng đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 3 Thông tư này và có thông báo gửi Cục Hải quan theo quy định tại Điều này thì được cấp quyền hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan.

Điều 8. Tạm dừng, thu hồi quyền hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan

1. Tạm dừng quyền hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan

a) Đại lý làm thủ tục hải quan bị tạm dừng quyền hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trong các trường hợp sau đây:

a.1) Hoạt động không đảm bảo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 3 Thông tư này hoặc không hoạt động đúng tên và địa chỉ đã thông báo với cơ quan hải quan;

a.2) Không thực hiện đúng trách nhiệm, nghĩa vụ của đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại Thông tư này và các quy định pháp luật khác về hải quan;

a.3) Sử dụng, quản lý nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan không đúng theo quy định tại Điều 13 Thông tư này.

b) Cục trưởng Cục Hải quan có văn bản thông báo và thực hiện tạm dừng quyền hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trong thời hạn tối đa 06 (sáu) tháng đối với các trường hợp quy định tại điểm a khoản này. Trong thời hạn bị tạm dừng, đại lý làm thủ tục hải quan không được cung cấp dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan. Trường hợp Chi cục Hải quan khu vực trong quá trình quản lý hoặc khi kiểm tra phát hiện vi phạm quy định tại điểm a khoản này thì báo cáo Cục Hải quan thực hiện việc tạm dừng quyền hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại Điều này;

c) Trong thời hạn tạm dừng, nếu đại lý làm thủ tục hải quan khắc phục và có văn bản thông báo việc khắc phục đề nghị tiếp tục cấp quyền hoạt động gửi Cục Hải quan qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến thì trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của doanh nghiệp, Cục trưởng Cục Hải quan tổ chức thực hiện kiểm tra việc khắc phục vi phạm của đại lý làm thủ tục hải quan của doanh nghiệp và cấp quyền hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan đối với trường hợp doanh nghiệp đã khắc phục vi phạm.

2. Thu hồi quyền hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan

a) Đại lý làm thủ tục hải quan bị thu hồi quyền hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan trong các trường hợp sau đây:

a.1) Bị xử lý về hành vi buôn lậu; vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới; sản xuất, buôn bán hàng cấm; trốn thuế đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

a.2) Sử dụng bộ chứng từ không phải do chủ hàng cung cấp để làm thủ tục hải quan xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa;

a.3) Quá thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày tạm dừng quyền hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan theo quy định tại tiết a.2 và a.3 điểm a khoản 1 Điều này mà đại lý làm thủ tục hải quan không khắc phục được vi phạm;

a.4) Doanh nghiệp hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan giải thể hoặc phá sản theo quy định của Luật doanh nghiệp và Luật phá sản;

a.5) Đại lý làm thủ tục hải quan có văn bản thông báo chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan theo mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư này gửi Cục Hải quan qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

b) Cục Hải quan thu hồi quyền đại lý làm thủ tục hải quan trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan đối với các trường hợp quy định tại khoản này. Cục Hải quan có văn bản thông báo thu hồi quyền đại lý làm thủ tục hải quan trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan đối với các trường hợp quy định tại tiết a.1, a.2, a.3 điểm a khoản này gửi cho đại lý làm thủ tục hải quan;

c) Đại lý làm thủ tục hải quan bị thu hồi quyền hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan theo quy định tại khoản này không được hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày ban hành thông báo thu hồi quyền hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, trừ trường hợp thu hồi quyền hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan theo quy định tại tiết a.4, a.5 điểm a khoản này.

d) Khi đại lý làm thủ tục hải quan bị thu hồi quyền hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan thì mã số của nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan bị hủy bỏ.

Điều 9. Quyền, trách nhiệm của đại lý làm thủ tục hải quan

1. Quản lý, sử dụng mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan để tiến hành các công việc khai báo và làm thủ tục hải quan trong phạm vi được chủ hàng ủy quyền; chịu trách nhiệm về việc giới thiệu, đề nghị Cục trưởng Cục Hải quan cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan cho người đáp ứng đủ tiêu chuẩn quy định theo mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư này; đăng ký thông tin mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan vào hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan để cơ quan hải quan cấp tài khoản kết nối hệ thống xử lý dữ liệu hải quan điện tử theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư này. Khi đăng ký tài khoản kết nối hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan đối với nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan (user id) thì phải cung cấp đầy đủ thông tin họ và tên, số căn cước công dân hoặc số căn cước của nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

2. Yêu cầu chủ hàng cung cấp đầy đủ, chính xác các chứng từ, thông tin cần thiết cho việc làm thủ tục hải quan của lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu và thực hiện các nghĩa vụ tài chính theo hợp đồng đại lý.

3. Yêu cầu cơ quan hải quan hướng dẫn về thủ tục hải quan, thủ tục thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, kỹ thuật trong việc kết nối mạng với cơ quan hải quan và cung cấp các quy định mới của pháp luật về hải quan; tham dự các lớp tập huấn, bồi dưỡng pháp luật về hải quan.

4. Chịu trách nhiệm về các nội dung khai trên tờ khai hải quan trên cơ sở bộ chứng từ, tài liệu liên quan đến hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu do chủ hàng cung cấp và thực hiện đúng phạm vi được ủy quyền theo hợp đồng đại lý.

5. Thông báo cho Cục Hải quan thực hiện hủy bỏ mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan đối với các trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 11 Thông tư này hoặc trường hợp đại lý làm thủ tục hải quan bị giải thể, phá sản hoặc chấm dứt hoạt động.

6. Cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến chủ hàng hoặc các lô hàng do đại lý làm thủ tục hải quan đúng tên khai hải quan theo yêu cầu của cơ quan hải quan.

7. Chịu trách nhiệm thực hiện các quyết định kiểm tra của cơ quan hải quan.

8. Trường hợp đại lý làm thủ tục hải quan thay mặt chủ hàng hóa là thương nhân nước ngoài không hiện diện tại Việt Nam thực hiện quyền kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu thì đại lý làm thủ tục hải quan phải chịu trách nhiệm thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ hàng hóa theo quy định của pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế và các pháp luật khác có liên quan.

9. Đại lý làm thủ tục hải quan có trách nhiệm thông báo cho Cục Hải quan hủy bỏ mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan, tài khoản kết nối hệ thống xử lý dữ liệu hải quan điện tử đối với các trường hợp quy định tại Thông tư này trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh theo mẫu số 07 ban hành kèm theo Thông tư này qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Cục Hải quan.

Điều 10. Quyền, trách nhiệm của chủ hàng

1. Cung cấp đầy đủ, chính xác các chứng từ, thông tin cần thiết cho việc làm thủ tục hải quan của lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu cho đại lý làm thủ tục hải quan.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan cung cấp cho đại lý làm thủ tục hải quan.

3. Giám sát, khiếu nại việc thực hiện các nghĩa vụ của đại lý làm thủ tục hải quan trong phạm vi được ủy quyền và chịu trách nhiệm thực hiện các quyết định xử lý của cơ quan hải quan trong trường hợp đại lý làm thủ tục hải quan vi phạm các quy định của pháp luật về hải quan, pháp luật về thuế.

4. Đề nghị cơ quan hải quan chấm dứt làm thủ tục hải quan đối với lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu trong trường hợp phát hiện đại lý làm thủ tục hải quan không thực hiện đúng các nghĩa vụ trong hợp đồng.

5. Bố trí người làm thủ tục hải quan và các thủ tục hành chính trực tiếp với cơ quan hải quan theo quy định của pháp luật hải quan. Trường hợp thực hiện thủ tục qua đại lý làm thủ tục hải quan thì đại lý làm thủ tục hải quan thay mặt chủ hàng để thực hiện các công việc theo hợp đồng dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan đã ký giữa đại lý làm thủ tục hải quan và chủ hàng.

6. Được cung cấp dữ liệu điện tử liên quan đến tờ khai hải quan của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu làm thủ tục hải quan qua đại lý làm thủ tục hải quan trong trường hợp chủ hàng có hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng theo yêu cầu của cơ quan hải quan.

Điều 11. Mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan

1. Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan đáp ứng đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này và được đại lý làm thủ tục hải quan gửi thông báo đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo Mẫu số 06 ban hành kèm Thông tư này kèm tài liệu chứng minh đến Cục Hải quan qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Cục Hải quan thì được cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được thông báo của doanh nghiệp, trường hợp không đủ tiêu chuẩn cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan thì Cục Hải quan có trách nhiệm phản hồi, thông báo cho tổ chức, cá nhân qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến; trường hợp đáp ứng đủ các tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này thì Cục Hải quan cấp mã số nhân viên, tài khoản kết nối hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan cho nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

Mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan trùng với số căn cước công dân hoặc số căn cước của nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan khai trên văn bản đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan và có giá trị trong thời hạn 03 (ba) năm kể từ ngày doanh nghiệp thông báo cấp mã và được Cục Hải quan chấp thuận.

3. Trong quá trình hoạt động, trường hợp có thay đổi thông tin liên quan đến mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan, chữ ký số và tài khoản kết nối hệ thống xử lý dữ liệu hải quan điện tử của nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan, hoặc trường hợp phải hủy bỏ mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan quy định tại khoản 6 Điều này thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, đại lý làm thủ tục hải quan thông báo cho Cục Hải quan qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Cục Hải quan để được cập nhật thông tin lên hệ thống.

4. Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan được gia hạn thời gian sử dụng mã số khi đã hoàn thành khóa đào tạo bổ sung kiến thức pháp luật hải quan.

Trước khi hết thời hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan, đại lý làm thủ tục hải quan có thông báo gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư này gửi Cục Hải quan

qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Cục Hải quan. Thời gian gia hạn là 03 (ba) năm kể từ ngày hết hạn của mã số. Mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan không được gia hạn thì bị hủy bỏ khi hết thời hạn mã số.

Trường hợp nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan không hoàn thành khóa đào tạo bổ sung kiến thức pháp luật hải quan hoặc đại lý làm thủ tục hải quan không thông báo việc gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan thì khi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan hết thời hạn sử dụng Cục Hải quan hủy bỏ mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan đã cấp, khóa tài khoản kết nối hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan của nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

5. Các đối tượng không được cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan:

- a) Người bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang phải chấp hành hình phạt tù;
- c) Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức;
- d) Cán bộ, công chức thôi giữ chức vụ nhưng đang trong thời hạn quy định không được thành lập, giữ chức danh, chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã theo quy định tại Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng;
- đ) Các trường hợp bị hủy bỏ mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại điểm a, b, c, d khoản 6 Điều này.

6. Cục Hải quan thực hiện hủy bỏ mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan, khóa tài khoản kết nối hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan của nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan trong các trường hợp sau:

- a) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan bị xử lý hành vi vi phạm các quy định của pháp luật đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;
- b) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan bị xử lý đối với hành vi buôn lậu; vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới; sản xuất, buôn bán hàng cấm; trốn thuế hoặc hối lộ cán bộ, công chức hải quan trong quá trình làm thủ tục hải quan;
- c) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan cho người khác sử dụng mã số, tài khoản kết nối hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan của mình hoặc sử dụng mã số, tài khoản kết nối hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan của người khác hoặc sử dụng mã số không phải do Cục trưởng Cục Hải quan cấp để làm thủ tục hải quan; hoặc cho người khác sử dụng hồ sơ của mình để thực hiện

thực hiện hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan hoặc cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; hoặc không thực hiện đúng quy định về trách nhiệm của nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại Thông tư này và các quy định pháp luật về hải quan;

d) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan sử dụng mã số đã hết thời hạn hiệu lực để làm thủ tục hải quan;

đ) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan chuyển làm việc khác hoặc chuyển sang làm việc cho đại lý làm thủ tục hải quan khác hoặc chấm dứt hợp đồng lao động;

e) Đại lý làm thủ tục hải quan bị thu hồi quyền hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan;

g) Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan bị hủy bỏ mã số thuộc các trường hợp a, b, c, d khoản này thì bị hủy bỏ giá trị chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan đã được cấp và không được cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan trong thời hạn 03 (ba) năm kể từ ngày bị hủy bỏ mã số. Trong thời gian không được hành nghề, nếu cá nhân trên đứng tên thành lập doanh nghiệp thì doanh nghiệp này không được hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan.

7. Việc đào tạo bổ sung kiến thức pháp luật hải quan do các trường cao đẳng, đại học, học viện, trường bồi dưỡng cán bộ có khoa chuyên ngành hải quan thực hiện, trên cơ sở thống nhất chương trình đào tạo với Cục Hải quan có thời lượng tối thiểu 03 ngày (8 tiết/ngày).

Cục Hải quan thông báo danh sách các trường cao đẳng, đại học, học viện, trường bồi dưỡng cán bộ đã thống nhất chương trình đào tạo với Cục Hải quan trên Cổng thông tin điện tử của Cục Hải quan. Hàng năm, các trường tổ chức đào tạo bổ sung kiến thức xây dựng kế hoạch đào tạo và thông báo về Cục Hải quan trước ngày 30 tháng 01 để Cục Hải quan thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Cục Hải quan. Các trường tổ chức đào tạo bổ sung kiến thức và thông báo cho Cục Hải quan về danh sách học viên hoàn thành khóa học, bao gồm các chỉ tiêu thông tin theo yêu cầu của Cục Hải quan để phối hợp thực hiện quản lý nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

Điều 12. Quyền và trách nhiệm của nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan

1. Trực tiếp thực hiện các công việc về thủ tục hải quan theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư này trong phạm vi hợp đồng dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan đã ký giữa đại lý làm thủ tục hải quan và chủ hàng.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc sử dụng, quản lý mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định.

3. Giữ bí mật thông tin cho tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ của đại lý làm thủ tục hải quan.

4. Đề nghị Cục Hải quan hủy bỏ mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan trong trường hợp đại lý làm thủ tục hải quan không thông báo hủy bỏ mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại khoản 6 Điều 11 Thông tư này.

5. Tham dự các lớp đào tạo, tập huấn về thủ tục hải quan, chính sách quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; chính sách thuế và các quy định khác do cơ quan hải quan trực tiếp tổ chức hoặc cử cán bộ tham gia giới thiệu.

Điều 13. Quản lý và sử dụng mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan

1. Mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan được Cục trưởng Cục Hải quan cấp được cập nhật vào hệ thống của cơ quan hải quan. Trường hợp việc khai hải quan thực hiện bằng phương thức điện tử; cơ quan hải quan cấp tên người sử dụng và mật khẩu cho người được cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan để truy cập vào hệ thống khi đại lý làm thủ tục hải quan đăng ký tham gia kết nối với hệ thống theo hướng dẫn tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2018 và Thông tư số 121/2025/TT-BTC ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Người được cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin do cơ quan hải quan cung cấp. Khi thực hiện các thủ tục hành chính trực tiếp với cơ quan hải quan, nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan phải xuất trình mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

2. Mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan có giá trị để làm thủ tục hải quan đối với các lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu theo hợp đồng đại lý.

3. Khi đại lý làm thủ tục hải quan chấm dứt hoạt động; Nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan bị hủy bỏ mã số, cơ quan hải quan sẽ ngừng cho phép nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan truy cập vào hệ thống hoặc không chấp nhận các công việc liên quan đến thủ tục hải quan của nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

4. Đại lý làm thủ tục hải quan và mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan được sử dụng để làm thủ tục hải quan trên phạm vi toàn quốc.

Điều 14. Quyền, trách nhiệm của cơ quan hải quan

1. Thực hiện kiểm tra tiêu chuẩn hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hoạt động và việc thực hiện các quy định tại Luật Hải quan và Thông tư này của đại lý làm thủ tục hải quan và nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo kế hoạch định kỳ hoặc khi có thông tin vi phạm.

2. Tạm dừng làm thủ tục hải quan và thông báo cho chủ hàng trong trường hợp đại lý làm thủ tục hải quan không thực hiện đúng các quy định của pháp luật hải quan và pháp luật khác có liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa hoặc có sự tranh chấp trong hợp đồng đại lý làm thủ tục hải quan.

3. Cập nhật trên hệ thống quản lý và thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của Cục Hải quan danh sách đại lý làm thủ tục hải quan đủ tiêu chuẩn hoạt động theo quy định, việc tạm dừng, thu hồi quyền hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan và hủy bỏ mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

Nội dung đăng tải gồm: Tên đại lý làm thủ tục hải quan, địa chỉ trụ sở chính, mã số thuế, danh sách nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan, mã số nhân viên, thông tin về việc tạm dừng, thu hồi quyền hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan và các thông tin cần thiết khác có liên quan.

4. Xây dựng hệ thống để kết nối dữ liệu quản lý đại lý làm thủ tục hải quan, nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để giám sát, chia sẻ với các cơ quan liên quan.

5. Hỗ trợ nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan trong quá trình làm thủ tục hải quan.

6. Kiểm tra, giám sát, xử lý các vi phạm trong việc chấp hành pháp luật và các quy định của Thông tư này đối với các đại lý làm thủ tục hải quan, nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

7. Ngay sau khi tờ khai hải quan được đăng ký trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, cơ quan hải quan cung cấp dữ liệu điện tử liên quan đến tờ khai hải quan của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu làm thủ tục hải quan qua đại lý làm thủ tục hải quan cho đại lý làm thủ tục hải quan và chủ hàng trong trường hợp chủ hàng hóa có hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng theo yêu cầu của cơ quan hải quan.

8. Cục Hải quan ban hành quy chế, tổ chức thi và cấp chứng nghiệp vụ khai hải quan.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.
2. Thông tư này bãi bỏ toàn bộ các Thông tư sau

a) Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;

b) Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 của bộ trưởng bộ tài chính quy định chi tiết thủ tục cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan;

c) Thông tư số 25/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 quy định chi tiết thủ tục cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan; cấp và thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan; trình tự, thủ tục công nhận và hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 và Thông tư số 79/2022/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Trường hợp các văn bản liên quan viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng theo quy định tại văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

4. Trường hợp có vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện, đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Bộ Tài chính (qua Cục Hải quan) để tổng hợp và hướng dẫn xử lý.

Điều 16. Điều khoản chuyển tiếp

1. Tổ chức, cá nhân đã được công nhận là đại lý làm thủ tục hải quan, cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 và Thông tư số 25/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 thì được tiếp tục thực hiện hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan, chấp hành quy định tại Thông tư này.

2. Đại lý làm thủ tục hải quan đã được công nhận là đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 và Thông tư số 25/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 có trách nhiệm thông báo tài khoản kết nối hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan của nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan về Cục Hải quan theo mẫu số 08 ban hành kèm theo Thông tư này qua Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Cục Hải quan trước ngày 01/8/2026.

3. Đại lý làm thủ tục hải quan đã được công nhận và đang bị tạm dừng hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại Thông tư số 12/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 01 năm 2015 được sửa đổi, bổ sung bởi

Thông tư số 22/2019/TT-BTC ngày 16 tháng 4 năm 2019 và Thông tư số 25/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 phải được Cục Hải quan kiểm tra, xác nhận đáp ứng đủ tiêu chuẩn hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại Thông tư này trước khi tiếp tục hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan.

4. Tổ chức, cá nhân đã bị áp dụng quy định không được công nhận đại lý làm thủ tục hải quan trong thời hạn 02 năm kể từ ngày chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan; hoặc không được cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan trong thời hạn 03 năm kể từ ngày thu hồi mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan thì tiếp tục áp dụng biện pháp đó khi thực hiện Thông tư này.

5. Trường hợp đại lý làm thủ tục hải quan quy định tại Khoản 2 Điều này không cung cấp thông tin tài khoản kết nối hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan của nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan về Cục Hải quan trước ngày 01/8/2026 thì khi phát sinh trường hợp phải khóa tài khoản kết nối hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, Cục Hải quan sẽ tạm khóa tất cả tài khoản kết nối hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan của doanh nghiệp để đảm bảo an ninh, an toàn hệ thống./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ; các Phó TTCP;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc;
- Các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Chi cục Hải quan các khu vực;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Cổng thông tin điện tử Cục Hải quan;
- Lưu: VT, CHQ (60).

**KT. BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI CHÍNH**



Nguyễn Đức Chi

Phụ lục

DANH MỤC CÁC BIỂU MẪU

(Kèm theo Thông tư số 83/2026/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

- Mẫu số 01 – Phiếu đăng ký dự thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan
- Mẫu số 2 – Đề nghị cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan
- Mẫu số 03 – Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan (trường hợp cấp cho đối tượng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Thông tư này).
- Mẫu số 03A – Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan (trường hợp cấp cho đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 Thông tư này).
- Mẫu số 04 – Thông báo hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan và cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.
- Mẫu số 05 – Thông báo chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan.
- Mẫu số 06 – Đề nghị cấp/ gia hạn mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.
- Mẫu số 07 – Thông báo hủy bỏ mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.
- Mẫu số 08 – Thông báo tài khoản kết nối hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan của nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh thẻ 4x6
 (chụp trong thời
 gian 3 tháng tính
 đến thời điểm
 đăng ký dự thi)

PHIẾU ĐĂNG KÝ DỰ THI CẤP CHỨNG CHỈ NGHIỆP VỤ KHAI HẢI QUAN

Họ và tên: Nam/nữ:

Ngày sinh:/...../.....

Số Căn cước công dân: cấp ngày/...../... tại

- Thông tin về trình độ đào tạo:

Bằng tốt nghiệp số hiệu:; cấp ngày:; nơi cấp:

- Địa điểm dự thi tại:

- Thông tin liên hệ:(ghi rõ họ và tên, số điện thoại, địa chỉ).....

- Địa chỉ nhận chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan (tại Cục Hải quan hoặc qua dịch vụ bưu chính, chuyển phát nhanh):

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn này là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm.

Ngày tháng năm
CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI DỰ THI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ NGHIỆP VỤ KHAI HẢI QUAN

Kính gửi: Cục Hải quan

- Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15 và Luật số

- Căn cứ Thông tư số 83/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Đề nghị Cục trưởng Cục Hải quan xem xét cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan cho ông (bà):

Họ tên: Nam/nữ:

Ngày sinh:

Số căn cước công dân: cấp ngày:

tại

Địa chỉ nhận chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan:.....; Số điện thoại:.....

Ngạch công chức:

Thời gian, quá trình công tác trong ngành hải quan (ghi rõ thông tin các quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm ngạch công chức, nâng ngạch, chuyển công tác và quá trình công tác):

.....

Hình thức kỷ luật buộc thôi việc (nếu có, ghi rõ thông tin về Quyết định kỷ luật):

.....

Quyết định nghỉ hưu hoặc nghỉ việc hoặc chuyển công tác:

Tôi xin cam đoan những lời khai trong đơn này là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm.

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký, ghi rõ họ tên)

CỤC HẢI QUAN**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh 3 x 4 cm

CHỨNG CHỈ
NGHIỆP VỤ KHAI HẢI QUAN

- Căn cứ Quyết định số/QĐ-CHQ ngày ... tháng năm về việc thành lập Hội đồng thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan;
- Căn cứ Quyết định số..... ngày... tháng ... năm ... của về việc cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan cho thí sinh đạt yêu cầu tại kỳ thi cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan năm tổ chức tại ...

CỤC TRƯỞNG CỤC HẢI QUAN

- Cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan cho ông (bà):
- Ngày sinh:/...../.....
- Căn cước công dân/Căn cước số:..... cấp ngày..... tại

Chữ ký của người được cấp Chứng chỉ

Số:
Ngày... tháng... năm ...

Hà Nội, ngày/...../.....
CỤC TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CỤC HẢI QUAN

Ảnh 3 x 4 cm

Chữ ký của người được cấp Chứng chỉ

Số:

Ngày ... tháng ... năm ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ
NGHIỆP VỤ KHAI HẢI QUAN

Căn cứ Quyết định số/..... ngày ... tháng.... năm.... của
 về việc nghỉ hưu/nghỉ việc/chuyển công tác đối với ông
 (bà)...

CỤC TRƯỞNG CỤC HẢI QUAN

- Cấp chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan cho ông (bà):

.....

- Ngày sinh:/...../.....

- Căn cước công dân/Căn cước số:..... cấp ngày..... tại

.....

Hà Nội, ngày .../.../.....

CỤC TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
CÔNG TY ...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /.....
V/v thông báo hoạt động đại lý làm
thủ tục hải quan

....., ngày tháng năm

Kính gửi: Cục Hải quan.

Tên doanh nghiệp:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Thông tin đầu mối liên hệ:.....

- Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15 và Luật số ...

- Căn cứ Thông tư số 83/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Sau khi rà soát, kiểm tra, Công ty tự xét thấy đã đáp ứng đủ tiêu chuẩn hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại Thông tư số, cụ thể:

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sốngày cấp.... nơi cấp.....;

2. Thông tin người đại diện pháp luật của doanh nghiệp:

- Họ và tên:Ngày sinh:

- Số căn cước công dân: cấp ngày..... tại

3. Nhân viên đáp ứng tiêu chuẩn đề nghị cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan:..... người, cụ thể:

3.1. Họ và tên:Ngày sinh:

- Số căn cước công dân: cấp ngày..... tại

- Bằng cao đẳng/đại học: số hiệu Ngày cấp:....., Nơi cấp:.....

- Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan số:; ngày cấp; nơi cấp:

- Giấy chứng nhận bổ sung kiến thức pháp luật về hải quan (nếu có) số; ngày cấp:.....; nơi cấp:.....

- Tài khoản kết nối hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan (user id):.....

3.2. Họ và tên: Ngày sinh:

- Số căn cước công dân: cấp ngày tại

- Bằng cao đẳng/đại học: số hiệu Ngày cấp:....., Nơi cấp:.....
- Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan số:; ngày cấp
- Giấy chứng nhận bổ sung kiến thức pháp luật về hải quan (nếu có) số; ngày cấp:.....; nơi cấp:.....
- Tài khoản kết nối hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan (user id):.....

4. Hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ khai hải quan của Công ty có:
.....

Công ty cam kết đáp ứng đủ tiêu chuẩn hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan và cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan. Đề nghị Cục Hải quan cấp quyền hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan và cấp mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan cho nhân viên có tên tại điểm 3 nêu trên theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu....

**... (CHỨC DANH CỦA NGƯỜI ĐẠI
DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
DOANH NGHIỆP)**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
CÔNG TY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

V/v thông báo chấm dứt hoạt
động đại lý làm thủ tục hải quan

....., ngày tháng năm

Kính gửi: Cục Hải quan.

- Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15 và Luật số ...

- Căn cứ Thông tư số 83/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Tên doanh nghiệp:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Công ty đã hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan từ ngày..... Nay Công ty thông báo chấm dứt hoạt động đại lý làm thủ tục hải quan đối với Công ty và hủy bỏ các mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan thuộc Công ty. Cụ thể:

1) Họ và tên: Ngày sinh:

- Mã số nhân viên đại lý hải quan:

- Tài khoản kết nối hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan (user id):

2) Họ và tên: Ngày sinh:

- Mã số nhân viên đại lý hải quan:

- Tài khoản kết nối hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan (user id):

Công ty kính thông báo để Cục Hải quan biết, hủy bỏ quyền đại lý làm thủ tục hải quan của Công ty trên hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan./.

.... (CHỨC DANH CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
CÔNG TY....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng năm

**THÔNG BÁO CẤP/GIA HẠN¹ MÃ SỐ NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ LÀM THỦ TỤC
HẢI QUAN**

Kính gửi: Cục Hải quan

Tên doanh nghiệp:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

- Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15 và Luật số

- Căn cứ Thông tư số 83/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

- Căn cứ hợp đồng lao động số ngày/...../..... giữa doanh nghiệp với ông (bà)

Sau khi rà soát, kiểm tra, Công ty tự xét thấy ông (bà) đã đáp ứng đủ các tiêu chuẩn về nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan theo quy định tại Thông tư .../2026/TT-BTC ngày 30/6/2026. Do vậy, Công ty thông báo Cục Hải quan đề cấp/gia hạn² mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan cho ông (bà):

1/ Họ và tên: Ngày sinh:

- Tài khoản kết nối hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan (user id):.....

- Số căn cước công dân: cấp ngày tại

- Bằng cao đẳng/đại học: số hiệu Ngày cấp:....., Nơi cấp:.....

- Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan số:; ngày cấp; Nơi cấp:

- Giấy chứng nhận bổ sung kiến thức pháp luật về hải quan (nếu có) số; ngày cấp:.....; nơi cấp:.....

2/ Họ và tên: Ngày sinh:

- Tài khoản kết nối hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan (user id):.....

¹ Chọn tên thông báo cần thực hiện

² Chọn tên thông báo cần thực hiện

- Số căn cước công dân: cấp ngày tại
- Bằng cao đẳng/đại học: số hiệu Ngày cấp:....., Nơi cấp:.....
- Chứng chỉ nghiệp vụ khai hải quan số:; ngày cấp; Nơi cấp:
- Giấy chứng nhận bổ sung kiến thức pháp luật về hải quan (nếu có) số; ngày cấp:.....; nơi cấp:.....

Trân trọng./.

.... (CHỨC DANH CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
CÔNG TY...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

THÔNG BÁO HỦY BỎ MÃ SỐ NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN

Kính gửi: Cục Hải quan

Tên doanh nghiệp:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

- Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15 và Luật số

- Căn cứ Thông tư số 83/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

Công ty thông báo hủy bỏ mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan đã cấp cho ông (bà):

1/ Họ và tên: Ngày sinh:

- Mã số nhân viên đại lý hải quan:

- Tài khoản kết nối hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan (user id):

- Lý do hủy bỏ mã số nhân viên đại lý hải quan:

2/ Họ và tên: Ngày sinh:

- Mã số nhân viên đại lý hải quan:

- Tài khoản kết nối hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan (user id):

- Lý do hủy bỏ mã số nhân viên đại lý hải quan:

3/...

.... (CHỨC DANH CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ CHỦ QUẢN
CÔNG TY...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

**THÔNG BÁO TÀI KHOẢN KẾT NỐI HỆ THỐNG XỬ LÝ DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ HẢI
QUAN CỦA NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ LÀM THỦ TỤC HẢI QUAN**

Kính gửi: Cục Hải quan

Tên doanh nghiệp:

Mã số thuế:

Địa chỉ:

Căn cứ Thông tư số 83/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Công ty thông báo tài khoản kết nối hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan của nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan (user id) đã cấp mã số như sau:

STT	Họ và tên nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan	Mã số nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan	Tài khoản kết nối hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan của nhân viên đại lý làm thủ tục hải quan (user id)	Ghi chú
1				
2				
....				

Công ty thông báo để Cục Hải quan được biết.

Trân trọng./.

.... (CHỨC DANH CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO
PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)